

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:/2026/DS-PT

Ngày 19/5/2026

V/v **Yêu cầu công nhận di chúc hợp pháp; Yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp.**

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hợp

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu Hằng

Ông Lưu Văn Tỉnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thu Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 19/5/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2026/TLPT-DS ngày 08 tháng 4 năm 2026 về việc “ Yêu cầu công nhận di chúc hợp pháp; Yêu cầu công nhận hiệu lực quyền sử dụng đất hợp pháp”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2026/DS-ST ngày 09 tháng 2 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số **131/2026/QĐ-PT** ngày **04 tháng 5 năm 2026** giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Bà Ngô Phương T, sinh ngày 31/10/1962; số CCCD: 030162003562; địa chỉ: Số A P, phường H, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

+ Bà Ngô Thị T1, sinh 24/8/1964; số CCCD: 030164010120; địa chỉ: Số A N, phường H, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Bị đơn:

+ Bà Ngô Thị L, sinh năm 1959; số CCCD: 030159003151; địa chỉ: Số F C, phường H, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

+ Anh Trịnh Việt H, sinh năm 1992; số CCCD: 030092000194; địa chỉ: Số F ngõ B N, phường P, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Văn phòng đăng ký đất thành phố Hải Phòng: Trụ sở: Số B L, phường N, Thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thanh H1 – Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Quốc M, Chức vụ: Giám đốc Văn phòng Đ2 chi nhánh H7. Vắng mặt.

+ Văn phòng C thành phố Hải Phòng; trụ sở: Số I B, phường H, thành phố Hải Phòng: Người đại diện theo quy định của pháp luật ông Hoàng Nam P - Chức vụ: Trưởng phòng. Vắng mặt.

+ Văn phòng C1; Trụ sở: Số B T, phường H, thành phố Hải Phòng. Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Văn H2 – Chức vụ: Trưởng phòng. Vắng mặt.

+ Bà Ngô Thị B, sinh năm 1955; địa chỉ: Số E chùa B, phường K, thành phố Hà Nội. Có mặt.

+ Bà Ngô Thị H3, sinh năm 1957; địa chỉ: Số G D đất làng nghề V, phường H, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

+ Ông Ngô Bá Đ, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số C ngõ G H, phường K, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

+ Anh Hà Hải D, sinh năm 1980; địa chỉ: Số nhà E Chùa B, phường K, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

+ Anh Hà Quang M1, sinh năm 1982; địa chỉ: C, tòa P, KĐT Vinhomes, Timescity ParkHill, số B ngõ A, đường L, phường V, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

+ Anh Đào T2, sinh năm 1984; địa chỉ: Số A M đất làng N, phường H, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

+ Anh Đào Khánh H4, sinh năm 1988; địa chỉ: Số G D đất làng nghề V, phường H, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

+ Anh Trịnh Ngọc T3, sinh năm 1987; địa chỉ: Số G ngõ B N, phường P, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Đức V, sinh năm 1985; địa chỉ: Nhà B,D, số E ngõ A V, phường K, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Việt T4, sinh năm 1991; địa chỉ: Số A N, phường P, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

+ Anh Phạm Minh H5, sinh năm 1989; địa chỉ: Số A ngõ H, phường V, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

+ Anh Vũ A, sinh năm 1992; địa chỉ: Số P, tòa A, chung cư T, B M, phường T, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

+ Anh Vũ Duy L1, sinh năm 1997; địa chỉ: Số A N, phường H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

+ Anh Ngô Xuân Q, sinh năm 1995; Nơi ở hiện tại: W, 99089 E - Cộng Hòa Liên Bang Đ. Vắng mặt.

+ Anh Ngô Bá K, sinh năm 2003; địa chỉ: Số C ngõ G phố H, phường P, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Do có kháng cáo của: **Bị đơn là bà Ngô Thị L và anh Trịnh Việt H.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm

1. Nguyên đơn bà Ngô Phương T và bà Ngô Thị T1 trình bày:

Bố mẹ đẻ của hai bà là cụ Ngô Bá Đ1 sinh năm 1925, chết năm 2007 và cụ Nguyễn Thị L2 sinh năm 1923, chết năm 2009.

Cụ Đ1 và cụ L2 có 06 người con đẻ gồm: Bà Ngô Thị B, bà Ngô Thị H3, bà Ngô Thị L, bà Ngô Phương T, bà Ngô Thị T1 và ông Ngô Bá Đ. Ngoài những người con chung trên, bố mẹ đẻ của hai bà không có con nuôi, con riêng nào khác.

Cụ Đ1 và cụ L2 là chủ sử dụng, sở hữu hợp pháp diện tích 158,3 m² trong đó có 120m² đất ở và 38,3 m² đất trồng cây lâu năm, tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 15 tại số B Đ, phường L, thành phố H (nay là phường L, thành phố Hải Phòng) đã được UBND thành phố H, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị L2, ông Ngô Bá Đ1.

Ngày 09/6/2005, cụ Đ1, cụ L2 thực hiện việc lập di chúc có chứng thực (Số công chứng 108, quyền số 12/TP/CC-SCC/HĐGD tại phòng C2 tỉnh Hải Dương). Nội dung của di chúc “...Chúng tôi là chủ sở hữu ngôi nhà kèm theo quyền sử dụng đất tại số B Đ, phường L, thành phố H, có giấy chứng nhận quyền sử dụng tạm thời nhà đất số 246/NĐ-XD do UBND thị xã H cấp ngày 11/7/1987.

Sau khi chúng tôi chết thì con trai chúng tôi là Ngô Bá Đ, sinh ngày 14/1/1969 được hưởng toàn bộ ngôi nhà với điều kiện anh Đ chỉ được dùng ngôi nhà này để ở.

Nếu anh Ngô Bá Đ không ở thì ông Đ có toàn quyền định đoạt ngôi nhà này và anh Đ được hưởng 70% giá trị nhà đất,

Chị Ngô Thị T5 và T1 mỗi người được hưởng 10% giá trị nhà đất, 10% giá trị nhà đất còn lại sẽ chia đều cho tất cả các cháu nội, ngoại....”.

Sau khi 02 cụ chết thì ông Ngô Bá Đ đã làm thủ tục nhận tài sản thừa kế nhà đất và sang tên cho ông Đ. Ngày 27/4/2021, UBND thành phố H, tỉnh Hải Dương đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Ngô Bá Đ thửa đất số 77, tờ bản đồ số 15; địa chỉ: Số B Đ, phường L, thành phố H diện tích 158,3m², trong đó có 120m² đất ở và 38,3m² đất TCLN.

Do ông Đ ở trên Hà Nội muốn giữ thửa đất để làm nơi thờ cúng không muốn chuyển nhượng ra cho người ngoài nên ngày 15/7/2023 ông Đ đã làm thủ tục tặng cho bà Ngô Phương T, bà Ngô Thị T1 thửa đất trên và tài sản trên đất. Ngày

09/8/2023, bà T, bà T1 được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất. Khi ông Đ tặng cho bà T1, bà T thì ngôi nhà và đất trị giá 3.950.000.000 đồng, ông Đ đã chia cho các cháu nội, ngoại mỗi cháu 30.384.616 đồng nhưng anh H, anh T3 không nhận tiền của ông Đ chia theo di chúc của 02 cụ. Khi hai bà quản lý, sử dụng thửa đất và muốn chuyển đổi 38,3m² đất trồng cây sang đất ở thì anh H có đơn từ gây khó khăn cho các bà.

Bà T1, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Đề nghị Tòa án công nhận di chúc của cụ Ngô Bá Đ1 và cụ Nguyễn Thị L2 lập ngày 09/6/2005 tại phòng C2 tỉnh Hải Dương là hợp pháp. Chia di sản thừa kế của cụ Đ1 và cụ L2 theo di chúc.

- Đề nghị Tòa án công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Ngô Bá Đ và bà Ngô Phương T, bà Ngô Thị T1 được lập ngày 15/7/2023 có hiệu lực pháp luật; xác nhận bà Ngô Phương T, bà Ngô Thị T1 là người có quyền sử dụng hợp pháp diện tích 158,3m², trong đó có 120m² đất ở và 38,3m² đất TCLN, thửa đất số 77 tờ bản đồ số 15 và các tài sản trên đất ; địa chỉ: Số B Đ, phường L, thành phố Hải Phòng.

2. *Bị đơn bà Ngô Thị L trình bày:* Bà nhất trí với phần trình bày của bà T, bà T1 về hàng thừa kế, năm sinh năm chết, di sản của cụ Đ1 và cụ L2. Trước đây bà không biết bố mẹ bà lập di chúc nhưng đến khi Tòa án thông báo thì bà mới biết có việc bố mẹ lập di chúc để lại di sản thừa kế là đất và tài sản trên đất cho ông Đ. Tại thời điểm lập di chúc cụ Đ1 và cụ L2 đã già yếu, không còn minh mẫn. Cụ Đ1 không đi lại được nên không có việc cụ Đ1 đến phòng công chứng để chứng thực di chúc. Tuy nhiên tại hồ sơ chứng thực di chúc của hai cụ ghi tại Phòng C3 Hải Dương là không đúng. Bà cũng thừa nhận trước đây bà có nghe các cụ nói vì ông Đ là con trai duy nhất nên sẽ tặng cho diện tích đất của hai cụ cho ông Đ. Tuy nhiên, khi hai cụ ốm đau, bà T, bà T1 không chăm sóc nên không có việc hai cụ di chúc cho bà T, bà T1. Do đó, ông Đức T6 cho diện tích đất và tài sản trên đất của cụ Đ1, cụ L2 để lại cho bà T1, bà T thì bà không đồng ý.

Bà đề nghị Tòa án xem xét lại tính hợp pháp của di chúc hai cụ Ngô Bá Đ1 và cụ Nguyễn Thị L2 theo quy định của pháp luật. Ông Đức T6 cho bà T, bà T1 diện tích đất và tài sản trên đất của hai cụ bà không đồng ý.

- *Bị đơn anh Trịnh Việt H trình bày:* Anh là cháu ngoại của cụ Đ1, cụ L2, anh nhất trí với phần trình bày của bà T, bà T1 về hàng thừa kế, năm sinh năm chết của cụ Đ1 và cụ L2. Anh được biết trước khi chết 02 cụ có lập di chúc để định đoạt phần tài sản của 02 cụ là thửa đất A, tờ bản đồ 01 diện tích 120m² và tài sản trên đất tại số B Đ, phường L, thành phố H (nay là phường L, thành phố Hải Phòng) được công chứng tại Phòng C3 Hải Dương. Anh không biết việc di sản thừa kế là diện tích đất trên đã mang tên ông Đ. Anh cho rằng mặc dù ông Đ đã được cấp giấy chứng nhận tuy nhiên nguồn gốc tài sản là của các cụ ngoại nên ông Đ không có quyền định đoạt di sản thừa kế.

Anh xác định di chúc hai cụ để lại là không hợp pháp, vì thời điểm làm công chứng di chúc cụ Đ1 yếu không thể ký tại Phòng C3 Hải Dương. Tuy nhiên bản

di chúc tại ghi địa điểm lập di chúc ký tại phòng C3 Hải Dương là không đúng luật công chứng. Việc thực hiện công chứng ngoài trụ sở là không đúng nên đề nghị Tòa án tuyên di chúc vô hiệu.

Trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ chỉ có một mình tên ông Đ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần 2 thì cấp cho bà T, bà T1, nội dung trên trang 1 giấy chứng nhận đất bà T là người đại diện cho những người cùng sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất là bà T, bà T1. Tuy nhiên bản di chúc xác định 13 cháu nội, ngoại trong đó có anh được hưởng 10% giá trị di sản thừa kế, do đó trong giấy chứng nhận đất lần 2 phải có tên anh vì anh được quyền hưởng thừa kế. Đối với số tiền 30.384.616 đồng là giá trị 1 suất thừa kế, anh không đồng ý nhận bằng tiền và yêu cầu nhận bằng hiện vật. Anh đề nghị Tòa án tuyên bố di chúc của hai cụ Ngô Bá Đ1 và cụ Nguyễn Thị L2 lập tại Phòng C3 ngày 09/6/2005, số công chứng 108, quyền số 12/TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất cấp cho ông Ngô Bá Đ; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất cấp cho bà Ngô Thị T1, bà Ngô Thị T5.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L trình bày:* Hồ sơ công chứng di chúc ngày 09/6/2005 của 2 cụ Ngô Bá Đ1 và Nguyễn Thị L2 có những vi phạm cụ thể: Giấy chứng nhận tạm thời sử dụng nhà đất (*chỉ thể hiện về đất không có nhà*) tên cụ Ngô Bá Đ1 phô tô; Chứng minh nhân dân của cụ Đ1 và cụ L2 phô tô. Ngoài ra không còn tài liệu nào khác. Như vậy, trong thành phần hồ sơ không có phiếu yêu cầu công chứng và cụ Đ1, cụ L2 di chúc nhà cho con trai nhưng không có tài liệu xác lập quyền sở hữu tài sản trên đất của cụ Đ1 và cụ L2, không có Phiếu yêu cầu công chứng của 2 cụ Đạo L3. Tình trạng sức khỏe của 2 cụ Đạo L3 không tốt, chưa có căn cứ để xác định 2 cụ trực tiếp liên hệ với Phòng C3. Địa điểm công chứng di chúc của 2 cụ Đạo L3 không phải tại trụ sở Phòng C3 tỉnh Hải Dương như di chúc do công chứng viên soạn thảo và lời chứng của công chứng viên. Nếu địa điểm công chứng tại Phòng công chứng là thật thì khi thực hiện công chứng không có mặt 2 cụ Đạo L3 vì 2 cụ không thể có mặt tại Phòng Công chứng. Cụ L3 không biết chữ, phù hợp với di chúc có dấu điểm chỉ ngón tay bên dưới ghi “*ngón trỏ phải của bà L3*”. Quá trình công chứng di chúc, công chứng viên không chỉ định người làm chứng cho cụ L3 là vi phạm quy định. Trong bản di chúc không hề ghi tình trạng sức khỏe 2 cụ mà thể hiện 2 cụ Đạo L3 là người hoàn toàn bình thường. Tại di chúc ghi: “*Bản di chúc này chúng tôi lập thành 3 bản, giao cho chị Ngô Thị B (chị cả) giữ 2 bản đồng thời chị B có trách nhiệm công bố di chúc*”. Tuy nhiên, bà Ngô Thị B đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 675 BLDS 1995 hoặc Điều 672 BLDS 2005 về nội dung. Nội dung di chúc không phù hợp với tài liệu và hai cụ Đạo L3 không định đoạt toàn bộ tài sản của 2 cụ trong di chúc: Hai cụ Đ1 và L3 xác định là chủ sở hữu, sử dụng nhà và đất tại B Đ nhưng không rõ tình trạng nhà như thế nào? theo giấy chứng nhận quyền sử dụng tạm thời có trong hồ sơ công chứng xác định diện tích đất là 120m² đất công, trong giấy này không đề cập đến nhà, tài sản trên đất, ngoài ra không còn tài liệu nào khác. Điều này cho thấy nội dung di chúc của 2 cụ Đ1 Lạm định đoạt về nhà là không có căn cứ vì không có tài liệu, giấy tờ nào liên quan đến nhà

nêu tại ở trên. Công chứng viên khẳng định di chúc này được lập tại phòng công chứng như công chứng viên soạn thảo và lời chứng của công chứng thì công chứng viên không thể biết trên đất có nhà thật hay không. Không có nội dung nào của di chúc trao cho ông Đ quyền định đoạt đối với quyền sử dụng đất. Điều này phải xác định diện tích đất 120m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng tạm thời nhà đất chưa được 2 cụ Đạo L3 định đoạt trong di chúc. Do vậy, khi định đoạt quyền sử dụng đất phải thực hiện theo quy định của pháp luật, đó là sự tham gia của tất cả những người thừa kế ở hàng thừa kế thứ nhất của 2 cụ Đạo L3. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ngô Bá Đ, bà Ngô Phương T và Ngô Thị T1, trong các tài liệu có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 611190 ngày 15/01/2007, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01125 do UBND thành phố H cấp cho cụ Nguyễn Thị L2 và cụ Ngô Bá Đ1. Nội dung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này xác định 2 cụ được sử dụng thửa đất số 77, tờ bản đồ 15, diện tích 158,3m² trong đó có 120m² đất ở và 38,3m² đất trồng cây lâu năm; Tài sản gắn liền với đất là nhà bê tông cốt thép 2 tầng, diện tích xây dựng 67m². Đến thời điểm hiện nay các đương sự trong vụ án đều khẳng định, ngoài bản di chúc ngày 09/6/2005, 2 cụ Ngô Bá Đ1 và Nguyễn Thị L2 không sửa đổi bổ sung di chúc, không lập thêm bản di chúc nào khác. Như vậy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số AH 611190 ngày 15/01/2007 xác định tình trạng nhà đất đã thay đổi, biến động so với giấy chứng nhận quyền sử dụng tạm thời số 246/NĐ-XD nhưng di chúc của 2 cụ không thay đổi nên ông Đ không thể khai nhận toàn bộ nhà đất được xác lập tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 611190. Như vậy, phải xác định ông Đ khai nhận và công chứng viên chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho ông Đ không phù hợp với di sản nêu trong di chúc nên văn bản này vi phạm pháp luật, không có giá trị pháp lý và văn bản khai nhận này không phải là căn cứ để UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất cho ông Đ. Do đó việc ông Đức T6 cho 2 bà Ngô Thị T1 và Ngô Thị T5 toàn bộ nhà đất là không hợp pháp.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ2 người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Quốc M trình bày: Ông Ngô Bá Đ nhận thừa kế quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở của ông Ngô Bá Đ1 và bà Nguyễn Thị L2 tại địa chỉ B Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là B Đ, phường L, thành phố Hải Phòng) đã được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận có số phát hành DA 964417, số vào sổ CH00096 ngày 27/4/2021 thực hiện theo đúng trình tự thực hiện tại Quyết định số 52/2020/QĐ-UBND ngày 22/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc Ban hành Quy định cụ thể cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian, các bước thực hiện thủ tục và thực hiện đồng thời một số thủ tục hành chính về đất trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Bà Ngô Phương T và bà Ngô Thị T1 nhận thừa kế quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở của ông Ngô Bá Đ tại địa chỉ B Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là B Đ, phường L, thành phố Hải Phòng) đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ2 (nay là Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ2) cấp

Giấy chứng nhận có số phát hành DI 508885, số vào sổ VP00448 ngày 09/8/2023 thực hiện theo đúng trình tự thực hiện thủ tục hành chính ban hành tại Quyết định số 1520/QĐ-UBND ngày 01/06/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh H về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở T12.

- Phòng C3 thành phố Hải Phòng do ông Hoàng Nam P là người đại diện theo pháp luật trình bày: Hồ sơ Di chúc số công chứng 108, quyển số 12/TP/CC-SCC/HĐGD đối chiếu với quy định của pháp luật, di chúc được công chứng theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật.

- Văn phòng C1 do ông Bùi Văn H2 là người đại diện theo pháp luật trình bày: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản giữa ông Ngô Bá Đ cho bà Ngô Phương T, Ngô Thị T1 số công chứng 1598 được công chứng theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật.

- Ông Ngô Bá Đ trình bày: Thống nhất về hàng thừa kế, di sản thừa kế của cụ Đ1, cụ L2 cũng hoàn toàn nhất trí phần trình bày của nguyên đơn, không nhất trí yêu cầu của bị đơn.

Trước khi chết, cụ Đ1 và cụ L2 có lập di chúc đối với di sản của hai cụ tại phòng C2 tỉnh Hải Dương ngày 09/6/2015.

Sau khi hai cụ chết, ông đã làm thủ tục nhận tài sản thừa kế nhà và đất, Ngày 27/4/2021, UBND thành phố H, tỉnh Hải Dương đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông thừa đất số 77, tờ bản đồ số 15; địa chỉ: Số B Đ, phường L, thành phố H diện tích 158,3m², trong đó có 120m² đất ở và 38,3m² đất TCLN.

Do ông công tác ở Hà Nội xa nhà nên ông có nhờ bà T, bà T1 sinh sống ở Hải Dương (nay là Hải Phòng) quản lý giúp. Ông mong muốn ngôi nhà và thửa đất trên để lại cho các chị trong gia đình quản lý, sau này ông về hưu có điều kiện ông về ở, nên ông không muốn chuyển nhượng cho người ngoài. Ngày 15/7/2023 ông đã làm thủ tục tặng thừa đất số 77, tờ bản đồ số 15; địa chỉ: Số B Đ, phường L, thành phố H và tài sản trên đất cho bà Ngô Phương T, bà Ngô Thị T1. Ngày 09/8/2023 bà T, bà T1 được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên. Khi làm thủ tục tặng cho 02 bà thì tại thời điểm đó diện tích đất bị quy hoạch 34m². Căn cứ vào trị giá đất và tài sản trên đất tại thời điểm tặng cho 2 bà là 3.950.000.000 đồng. Theo di chúc hai cụ để lại thì nếu ông ở thì được hưởng toàn bộ nhà và đất tức là được hưởng 100% tương đương = 3.950.000.000 đồng. Do ông không ở thì được hưởng 70% = 2.765.000.000 đồng, bà T, bà T1 hưởng 790.000.000 đồng, khi ông đưa tiền thì hai bà đều từ chối không nhận để lại cho ông hưởng để lo công việc gia đình thờ cúng tổ tiên, còn lại ông chia cho 13 cháu nội, ngoại mỗi cháu được hưởng 30.384.616 đồng. Ông đã gọi điện 02 lần cho cháu H bảo đưa tài khoản để ông chuyển khoản nhưng cháu H không nhận, cháu H làm đơn gửi các cơ quan chức năng gây mất trật tự gia đình ông.

- Bà Ngô Thị B trình bày: Thống nhất về hàng thừa kế, di sản thừa kế của cụ Đ1, cụ L2 cũng hoàn toàn nhất trí phần trình bày của nguyên đơn, không nhất trí yêu cầu của bị đơn.

- Bà Ngô Thị H3 trình bày: Thống nhất về hàng thừa kế, di sản thừa kế của cụ Đ1, cụ L2 hoàn toàn nhất trí phần trình bày của nguyên đơn. Bà có 02 con là Đào T2, Đào Khánh H4 nhưng do 02 anh bận không thể về làm việc được và có quan điểm đã chuyển tiền của ông Đ nên không có ý kiến gì khác.

- Anh Ngô Xuân Q và anh Ngô Bá K trình bày: Các anh là con của ông Đ. Các anh đã được nhận số tiền đủ số tiền do ông Đ đưa cho mỗi người là 30.384.616 đồng. Nếu trị giá tài sản của ông ngoại cao hơn thì các anh cũng tự nguyện không yêu cầu gì về giá trị di sản.

- Anh Nguyễn Việt T4 và anh Nguyễn Đức V trình bày: Các anh là con của bà T và mỗi người đã được nhận số tiền 30.384.616 đồng từ ông Đ bằng hình thức chuyển khoản. Nếu trị giá tài sản của ông ngoại cao hơn nữa các anh cũng tự nguyện không yêu cầu gì về giá trị di sản.

- Anh Vũ Duy L1, anh Vũ A, anh Phạm Minh H5 trình bày: Các anh là con của bà T1. Mỗi người đã được nhận số tiền 30.384.616 đồng từ ông Đ bằng hình thức chuyển khoản. Nếu trị giá tài sản của ông nội cao hơn nữa thì các anh cũng tự nguyện không yêu cầu gì về giá trị di sản.

- Anh Hà Quang M1, anh Hà Hải D trình bày: Các anh là con của bà B. Các anh mỗi người đã được nhận số tiền 30.384.616 đồng từ ông Đ bằng hình thức chuyển khoản. Nếu trị giá tài sản của ông ngoại cao hơn nữa thì các anh cũng tự nguyện không yêu cầu gì về giá trị di sản.

3. Người làm chứng trình bày:

- Ông Phạm Văn V1 trình bày: Ông là công chứng viên Phòng C2 tỉnh Hải Dương, là người trực tiếp chứng nhận bản di chúc ngày 09/6/2005 của cụ Ngô Bá Đ1 và cụ Nguyễn Thị L2. Ông xác định tại thời điểm chứng nhận bản di chúc cụ Đ1, cụ L2 có đủ năng lực hành vi dân sự, phù hợp với quy định của pháp luật, cả hai cụ đã nghe ông đọc lại toàn bộ nội dung của di chúc đã đồng ý với nội dung của di chúc, cụ Đ1 đã ký và ghi rõ nội họ và tên, còn cụ L2 đã điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt ông.

- Bà Tô Thị T7 trình bày: Bà là hàng xóm của cụ Đ1, cụ L2. Cụ Đ1 bị ngã thời gian đã lâu và được con cái của cụ đưa đi bệnh viện đóng đinh, đi lại khó khăn, cụ Đ1 lúc nói chuyện có lúc nhớ lúc quên, không phải bị lẫn, còn cụ L2 sức khỏe tốt hơn cụ Đ1.

- Ông Phạm Hữu H6 trình bày: Ông là hàng xóm của hai cụ. Cụ Đ1 bị ngã gãy xương đùi phải đóng đinh ngã thời gian nào ông cũng không nhớ, cụ L2 vẫn đi lại bình thường. Còn thời điểm năm 2005 hai cụ có minh mẫn không, ông cũng không biết.

- Bà Nguyễn Thị B1 trình bày: Bà là vợ ông Lê Quang D1, ông D1 làm cùng với ông Đ1, năm 2005 ông Đ1 đã nghỉ hưu, lúc đó khoảng 80 tuổi. Vợ chồng ông

bà thường hay sang chơi với ông Đ1, thời điểm đó ông Đ1 sức khỏe yếu, lúc nhớ lúc quên, không còn minh mẫn, còn bà L2 sức khỏe như thế nào bà cũng không biết.

- Bà Ngô Thị T8 trình bày: Thời điểm năm 2005, cụ Đ1 đã 80 tuổi, sức khỏe yếu, bà là y tá nên đến nhà chăm sóc điều trị cho cụ hàng ngày, cụ L2 thời điểm đó sức khỏe bình thường.

- Ông Phạm Văn T9 trình bày: Ông là em họ của bà L2, khoảng năm 2003 đầu năm 2004, ông Đ1 bị ngã gãy xương đùi phải đóng đinh, thời điểm đó sức khỏe của ông Đ1, bà L2 yếu, giảm trí nhớ, không còn minh mẫn, bà L2 không biết chữ.

- Bà Phạm Thị Bích P1 trình bày: Bà làm cùng trưởng Nguyễn Ái Q1 phân hiệu 1 Hải Dương với cụ Ngô Bá Đ1. Khoảng cuối năm 2003 đầu năm 2004, cụ Đ1 bị ngã gãy cổ xương đùi do cụ đi mua bánh mì. Bà thì thoảng vẫn xuống thăm cụ còn cụ có minh mẫn hay không thì bà không biết được.

Kết quả thẩm định tại chỗ: Hiện trạng thửa đất số 77, tờ bản đồ số 19 địa chỉ: Số B Đ, phường L, thành phố Hải Phòng: Cạnh phía Bắc giáp hành lang đường N dài 5,9m; cạnh phía Tây giáp thửa 88 dài là 7,28m + 6,88m + 0,16m + 9,12m + 6,13m + 1,16m; cạnh phía Nam giáp đường Đ là 6m; cạnh phía đông giáp ngõ đi là 7,16 m + 5,27 m + 6,6m + 6,89m. Tổng diện tích hiện trạng 158,3m². Các tài sản trên đất gồm: 01 nhà xây 02 tầng năm 1987 có diện tích xây dựng 38,9m²; 01 nhà mái bằng xây năm 1987 có diện tích 66,2m², 01 cây nhãn có đường kính gốc 0,3m, tán 5m.

Kết quả định giá tài sản: Giá đất ở là 65.000.000 đ/m², đất trồng cây lâu năm 95.000 đồng/m²; nhà mái bằng xây 2 tầng trị giá 96.260.400 đồng, nhà mái bằng trị giá 45.704.500 đồng; 01 cây nhãn trị giá 2.000.000 đồng.

Với nội dung nêu trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng, thành phố Hải Phòng xử:

Căn cứ Điều 649, khoản 4 Điều 650, các điều 657, 658, 733, 734 của BLDS năm 2005; các điều 502, 503, 627, 628 BLDS năm 2015; khoản 1 Điều 106 Luật đất đai năm 2003; các điều 26, 35, 39, 147, 165; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Phương T, bà Ngô Thị T1

- Tuyên bố bản di chúc của cụ Ngô Bá Đ1, cụ Nguyễn Thị L2 lập ngày 09/6/2015 tại phòng C3 tỉnh Hải Dương là hợp pháp. Ông Ngô Bá Đ được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ Ngô Bá Đ1 và cụ Nguyễn Thị L2 là diện tích đất 158,3m² (trong đó có 120m² đất ở và 38,3m² đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 19 địa chỉ: Số B Đ, phường L, thành phố Hải Phòng.

- Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản trên đất giữa ông Ngô Bá Đ và bà Ngô Phương T10 được lập ngày 15/7/2023 có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm đăng ký (ngày 09/8/2023). Bà Ngô Phương T và bà Ngô Thị T1 là người có quyền sử dụng hợp pháp diện tích 158,3m², trong đó có 120m² đất ở và 38,3m² đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 77 tờ bản đồ số 15 và các tài sản trên đất; địa chỉ: Số B Đ, phường L, thành phố Hải Phòng.

2. Xử buộc ông Ngô Bá Đ phải trả cho anh Trịnh Việt H, sinh năm 1992; địa chỉ: Số F ngõ B N, phường P, Thành phố Hà Nội; anh Trịnh Việt T11, sinh năm 1985; địa chỉ: Số G ngõ B N, phường P, thành phố Hà Nội mỗi người số tiền là 61.135.410 đồng;

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự và các vấn đề khác.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn là bà Ngô Thị L và anh Trịnh Việt H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 04/2026/DS-ST ngày 09/2/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng, thành phố Hải Phòng đề nghị Tòa án phúc thẩm: Sửa Bản án sơ thẩm; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tuyên bố Di chúc của hai cụ Đ1, L2 lập tại phòng C3 ngày 09/6/2005, số công chứng 108, quyền số 12 TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu và tuyên huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số DA 964147 ngày 27/4/2021, số vào sổ cấp GCN OH 00096 UBND thành phố H cấp cho ông Ngô Bá Đ và Giấy CNQSDĐ, sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số DL 508885 ngày 09/8/2023, số vào sổ cấp GCN VP 00448 VPĐK đất đai tỉnh Hải Dương cấp cho bà Ngô Thị T5 và Ngô Thị T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà T5, bà T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự về cơ bản đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về “yêu cầu công nhận di chúc hợp pháp; chia di sản thừa kế theo di chúc; yêu cầu công nhận hiệu lực của hợp đồng tặng cho hợp pháp” là không đúng.

+ Về yêu cầu khởi kiện: Như vậy Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng, thành phố Hải Phòng xác định thêm yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là “Chia di sản thừa kế của cụ Đ1 và cụ L2 theo di chúc và công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Ngô Bá Đ và bà Ngô Phương T, bà Ngô Thị T1 được lập ngày 15/7/2023 có hiệu lực pháp luật” là vượt quá phạm vi khởi kiện, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Bên cạnh đó tại giai đoạn sơ thẩm, anh Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang cư trú tại Đức nhưng Toà án cấp sơ thẩm không thực hiện xác minh thông tin với bên cục X1 về việc cư trú của anh Q và cũng không thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Q theo quy định tại Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự, như vậy không đảm bảo quyền và lợi ích cho đương sự theo quy định tại Điều 465 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những phân tích nêu trên nhận thấy, cần phải huỷ Bản án sơ thẩm số 04/2026/DS-ST ngày 09/2/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng, thành phố Hải Phòng xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm để đảm bảo quyền và lợi ích của các đương sự.

Đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị L và anh Trịnh Việt H. Huỷ bản án sơ thẩm số 04/2026/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng, thành phố Hải Phòng và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng, thành phố Hải Phòng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Về án phí: Miễn án phí phúc thẩm cho bà Ngô Thị L; anh Trịnh Việt H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về “yêu cầu công nhận di chúc hợp pháp; chia di sản thừa kế theo di chúc; yêu cầu công nhận hiệu lực của hợp đồng tặng cho hợp pháp” là không đúng quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ đơn khởi kiện của bà T và bà T1 và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án; Biên bản hoà giải; Biên bản kiểm tra giao nộp tiếp cận, công khai chứng từ thì nguyên đơn là bà T, bà T1 chỉ yêu cầu Toà án giải quyết: “Xác định bản di chúc được lập ngày 09/6/2005 là hợp pháp; Xác định bà Ngô Phương T và bà Ngô Thị T1 là người có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất 77, tờ bản đồ số 15 diện tích 158,3m² mà Ủy ban nhân dân thành phố H cấp 09/8/2023”. Như vậy theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự phải xác định đây là quan hệ tranh chấp về “Yêu cầu công nhận di chúc là hợp pháp và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp”.

Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn mới bổ sung thêm yêu cầu chia thừa kế theo di chúc và yêu cầu công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Ngô Bá Đ và bà Ngô Phương T, bà Ngô Thị T1 được lập ngày 15/7/2023 có hiệu lực pháp luật nên căn cứ Điều 188; Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu trên không được chấp nhận do đã vượt quá phạm vi khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy Toà án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng, thành phố Hải Phòng xác định thêm yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là “Chia di sản thừa kế của cụ Đ1 và cụ L2 theo di chúc và công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Ngô Bá Đ và bà Ngô Phương T, bà Ngô Thị T1 được lập ngày 15/7/2023 có hiệu lực pháp luật” là không đúng.

Về thẩm quyền giải quyết: Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn bà Ngô Thị L cư trú tại phường H, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng theo quy định tại Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, ngày 10/9/2025 ông Đ có nộp 01 bản tự khai có chữ ký của anh Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, có thể hiện anh Q hiện đang cư trú tại Cộng hoà liên bang Đ và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt anh tại các phiên họp và phiên tòa và 01 ảnh hộ chiếu của anh Q có xác nhận của Thẩm phán. Tuy nhiên ngoài bản tự khai và ảnh hộ chiếu trên, không còn bất kỳ tài liệu nào khác chứng hiện anh Q đang cư trú tại Đức và không có tài liệu nào chứng minh liệu chữ ký trên bản tự khai có phải của anh Q hay không? Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện xác minh thông tin với phòng Q2 về việc cư trú của anh Q và cũng không thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Q theo quy định tại Điều 474 Bộ luật tố tụng dân sự là không đảm bảo quyền và lợi ích cho đương sự theo quy định tại Điều 465 Bộ luật tố tụng dân sự và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Yêu cầu Tòa án công nhận di chúc của cụ Ngô Bá Đ1 và cụ Nguyễn Thị L2 lập ngày 09/6/2005 tại phòng C2 tỉnh Hải Dương là hợp pháp.

- Yêu cầu Tòa án xác nhận bà Ngô Phương T, bà Ngô Thị T1 là người có quyền sử dụng hợp pháp diện tích 158,3m², trong đó có 120m² đất ở và 38,3m² đất TCLN, thửa đất số 77 tờ bản đồ số 15 và các tài sản trên đất; địa chỉ: Số B Đ, phường L, thành phố Hải Phòng.

- Về nội dung vụ án:

[4] Xét nội dung kháng cáo của các bị đơn bà Ngô Thị L và anh Trịnh Việt H:

- Về thủ tục kháng cáo: Bà Ngô Thị L và anh Trịnh Việt H là bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2026/DS-ST ngày 09/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng, thành phố Hải Phòng; đề nghị Sửa bản án sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tuyên bố di chúc của 2 cụ Đạo L3 lập tại phòng C3 ngày 09/6/2005, số công chứng 108, quyền số 12 TP/CC-SCC/HĐGD vô hiệu và huỷ giấy CNQSDĐ, sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số DA 964147 ngày 27/4/2021, số vào sổ cấp GCN OH 00096 UBND thành phố H cấp cho ông Ngô Bá Đ và giấy CNQSDĐ, sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số DL 508885 ngày 09/8/2023, số vào sổ GCN VP 00448 VPĐKĐĐ tỉnh Hải Dương cấp cho 2 bà Ngô Thị T1 - Ngô Thị T5. Việc kháng cáo của các bị đơn đúng thủ tục, trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đơn kháng cáo của bà L và anh H là hợp pháp, được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

- Về hình thức Di chúc của cụ L3 và cụ Đ1: Căn cứ vào biên bản lấy lời khai của ông Phạm Văn V1 - Công chứng viên ngày 22/01/2025 xác nhận cụ L3

không biết chữ nên căn cứ khoản 2 Điều 661 Bộ luật dân sự và Điều 8 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ quy định “Người yêu cầu công chứng, chứng thực không đọc, không nghe, không ký hoặc không điểm chỉ được thì phải có người làm chứng”, như vậy di chúc của cụ L3 và cụ Đ1 lập ngày 09/6/2005 tại Phòng C3 tỉnh Hải Dương phải có chữ ký của người làm chứng nhưng thực tế trên bản di chúc chỉ có chữ ký của cụ Đ1 và điểm chỉ của cụ L3. Như vậy, hình thức di chúc của cụ L3 và cụ Đ1 không đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung Di chúc của cụ L3 và cụ Đ1: Di chúc bằng văn bản và cụ Đ1 ký xác nhận, cụ L3 điểm chỉ phần người lập di chúc và có chứng thực của công chứng viên có thẩm quyền. Căn cứ lời khai của ông Phạm Văn V1 - Công chứng viên; bà T1 và bà T5 xác nhận: Bản di chúc này là do cụ Đ1 và cụ L3 lập, hai cụ đều khẳng định nội dung của bản di chúc là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, lúc đó các cụ hoàn toàn minh mẫn, nguyện vọng của hai cụ nói đều phù hợp với nội dung bản di chúc; Bà L xác định “có nghe các cụ nói vì ông Đ là con trai duy nhất nên sẽ tặng cho diện tích đất và nhà của hai cụ cho ông Đ” cũng như một số người làm chứng biết hai cụ, cụ Đ1 bị ngã gãy chân, cụ L3 không biết chữ nhưng vẫn nhận thức được. Anh H cho rằng điểm chỉ của cụ L3 là đúng, còn chữ ký của cụ Đ1 là không đúng, Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu anh cung cấp mẫu so sánh để thực hiện giám định chữ ký của cụ nhưng anh H không nộp cho Tòa án nên không có căn cứ xác định chữ ký trong di chúc không phải chữ ký của cụ Đ1.

Từ những phân tích trên, xét thấy đối với phần di sản thừa kế của cụ Đ1 theo di chúc xuất phát từ ý chí của cụ và cụ có xác nhận chữ ký trong di chúc nên phần di sản thừa kế của cụ Đ1 là hợp pháp. Căn cứ Điều 144; Điều 146 Bộ luật dân sự 1995 thì di chúc của cụ Đ1 và cụ L3 chỉ có hiệu lực một phần đối với di sản thừa kế của cụ Đ1.

Như vậy việc Toà án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tuyên “công nhận toàn bộ di chúc của cụ L3 và cụ Đ1 lập ngày 09/6/2005 tại Phòng C3 tỉnh Hải Dương hợp pháp” là không đúng.

Ngoài ra, việc Toà án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 649; Điều 650 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 627; Điều 628 Bộ luật dân sự 2015 là không đúng. Tuy nhiên, nội dung điều luật quy định về hình thức của Di chúc theo Bộ luật dân sự 1995 và bộ luật dân sự 2005 và Bộ luật dân sự 2015 là tương tự nhau nên Toà phúc thẩm đề nghị Toà cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

- Về phạm vi di sản thừa kế theo di chúc: Di chúc của cụ Đ1 và cụ L3 thể hiện: “*Chúng tôi là chủ sở hữu ngôi nhà kèm theo quyền sử dụng đất tại số B Đ, phường L, thành phố H, có giấy chứng nhận quyền sử dụng tạm thời nhà đất số 246/NĐ-XD do UBND thị xã H cấp ngày 11/7/1987....*”

Căn cứ Giấy chứng nhận tạm thời nhà đất số 246/NĐ-XD do UBND thị xã H cấp ngày 11/7/1987 phần diện tích của cụ Đ1 và cụ L3 được cấp là 120m² đất thổ cư. Nên phần di sản của cụ Đ1 và cụ L3 để lại theo di chúc chỉ là 120m² đất thổ cư, nhà ở và các tài sản khác trên đất tại số B Đ, phường L, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ Biên bản xác minh ngày 29/12/2025 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Hải Phòng cho thấy nguồn gốc thửa đất số 77, tờ bản đồ số 15, diện tích 158,3m² của cụ Đ1 và cụ L3 địa chỉ thửa đất số 25 Đ, phường L, thành phố Hải Phòng gồm 120m² đất thổ cư và 38,3m² đất trồng cây lâu năm trong đó phần diện tích 38,3m² đất trồng cây lâu năm là do cụ Đ1 và cụ L3 trong quá trình sử dụng đã lấn chiếm đất lưu không phù hợp với quy hoạch nên đã được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp GCNQSDĐ ngày 15/01/2007. Như vậy diện tích 38,3m² đất trồng cây lâu năm là phần di sản phát sinh sau khi có di chúc nên 38,3m² đất trồng cây lâu năm không được coi là phần di sản được định đoạt trong di chúc. Di chúc của cụ Đ1 và cụ L3 chỉ có hiệu lực đối với phần di sản thừa kế của cụ Đ1. Như vậy, ông Ngô Bá Đ chỉ có quyền sử dụng, định đoạt đối phần di sản thừa kế của cụ Đ1 = ½ tổng di sản thừa kế của cụ L3 và cụ Đ1 tức là ông Đ chỉ có quyền sử dụng và định đoạt đối với ½ 120m²= 60m² đất thổ cư và các tài sản trên đất tại thửa đất số 77 tờ bản đồ số 15; địa chỉ: Số B Đ, phường L, thành phố Hải Phòng.

Vì vậy việc Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng Xác định ông Ngô Bá Đ được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ Ngô Bá Đ1 và cụ Nguyễn Thị L2 là diện tích đất 158,3m² (trong đó có 120m² đất ở và 38,3m² đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 19 địa chỉ: Số B Đ, phường L, thành phố Hải Phòng là không đúng.

- Về quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 158,3m² (trong đó có 120m² đất ở và 38,3m² đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 77, tờ bản đồ số 19 địa chỉ: Số B Đ, phường L, thành phố Hải Phòng.

+ Về hiệu lực của hợp đồng tặng cho hợp pháp của bà T5, bà T1:

Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là ông Ngô Bá Đ với bên nhận tặng cho là bà Ngô Phương T và bà Ngô Thị T1 đối với thửa đất số 77, tờ bản đồ số 19 địa chỉ: Số B Đ, phường L, thành phố Hải Phòng ký công chứng số Bùi Văn H2, ký công chứng số 1598/2023/HĐTC, quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/7/2023, thấy:

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Ngô Bá Đ với bà Ngô Phương T và bà Ngô Thị T1 đã được Văn phòng C1, ký công chứng số 1598/2023/HĐTC, quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/7/2023. Đến ngày 09/8/2023, bà Ngô Phương T và bà Ngô Thị T1 được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào số cấp GCN: VP-00448.

Về nội dung hợp đồng tặng cho: Xét thấy, Theo di chúc ông Ngô Bá Đ chỉ có quyền sử dụng và định đoạt đối với 60m² đất thổ cư, nhà ở và tài sản khác trên đất tại số B Đ, phường L, thành phố Hải Phòng.

Như vậy, căn cứ vào các điều 130; Điều 502; Điều 503 Bộ luật dân sự năm 2015, thì Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 77, tờ bản đồ số 19 địa chỉ: Số B Đ, phường L, thành phố Hải Phòng giữa ông Ngô Bá Đ và bà Ngô Thị T1, bà Ngô Phương T chỉ có hiệu lực một phần đối với 60m² đất thổ cư, nhà ở và tài sản khác trên đất (kể từ thời điểm đăng ký ngày 09/8/2023). Vì vậy

bà T và bà T1 chỉ có quyền sử dụng đất đối với 60m² đất thổ cư thuộc thửa đất số 77, tờ bản đồ số 19 địa chỉ: Số B Đ, phường L, thành phố Hải Phòng.

- Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 964147 ngày 27/4/2021, số vào sổ cấp GCN CH 00096 do UBND thành phố H cấp ngày 27/4/2021 cho ông Ngô Bá Đ và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 508885 ngày 09/8/2023, số vào sổ cấp GCN VP 00448 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ2 cấp ngày 27/4/2021 cho bà Ngô Thị T1 và Ngô Phương T: Từ những phân tích trên, đối với phần 60m² đất thổ cư còn lại và 38,3m² đất trồng cây lâu năm là phần di sản không được định đoạt theo di chúc nên việc UBND thành phố H và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 158,3m² (gồm 120m² đất ở và 38,3 m² đất trồng cây lâu năm) cho ông Đ sau là bà T1 và bà T là không đúng.

- Về yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 964147 ngày 27/4/2021, số vào sổ cấp GCN CH 00096 do UBND thành phố H cấp ngày 27/4/2021 cho ông Ngô Bá Đ và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 508885 ngày 09/8/2023, số vào sổ cấp GCN VP 00448 do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ2 cấp ngày 27/4/2021 cho bà Ngô Thị T1 và Ngô Phương T của bà L và anh H: Xét thấy trong vụ án này nguyên đơn có yêu cầu chia thừa kế theo di chúc nhưng không được chấp nhận yêu cầu nên việc huỷ giấy chứng nhận của ông Đ; bà T và bà T1 Toà án sẽ không xem xét trong vụ án này vì Toà án cần phải xem xét yêu cầu chia thừa kế thì mới có căn cứ huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không.

[5] Về án phí sơ thẩm: Toà án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tuyên: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà L trên 60 tuổi nên được miễn tiền án phí, anh H phải án phí là phù hợp với khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Ngoài ra, Toà sơ thẩm còn tuyên “Ông Đ phải chịu án phí dân sự đối với số tiền phải trả anh H và anh T11” là không đúng vì sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn mới bổ sung thêm yêu cầu chia thừa kế theo di chúc và yêu cầu công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Ngô Bá Đ và bà Ngô Phương T, bà Ngô Thị T1 được lập ngày 15/7/2023 có hiệu lực pháp luật nên hai yêu cầu trên của nguyên đơn không được chấp nhận theo quy định tại Điều 188; Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự vì vậy không phải xác định án phí dân sự sơ thẩm đối với hai yêu cầu trên.

[6] Từ những phân tích trên, nhận thấy Toà án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dẫn đến không đảm bảo được quyền và lợi ích cho các đương sự nên cần phải Huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2026/DS-ST ngày 09/2/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng,

thành phố Hải Phòng và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị L và anh Trịnh Việt H; Huỷ bản án sơ thẩm.

[7] Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[8] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà L và anh H được chấp nhận một phần nên bà L và anh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 188; Điều 210; Điều 296, khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310; Điều 474; Điều 465 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Ngô Thị L và anh Trịnh Việt H:

1.1. Huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 04/2026/DS-ST ngày 09/2/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng, thành phố Hải Phòng.

1.2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng, thành phố Hải Phòng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng, thành phố Hải Phòng quyết định án phí dân sự sơ thẩm khi bản án sơ thẩm được giải quyết lại.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ngô Thị L và anh Trịnh Việt H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND khu vực 10 – Hải Phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- VKSND khu vực 10 – Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 10 – Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

Phạm Văn Hợp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Vân Thúy Vũ Quang Trung

Phạm Văn Hợp